UBND XÃ TÂN TIẾN **PHÒNG KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/TTr-PKT	*Tân Tiến, ngày 13 tháng 10 năm 2025*

TỜ TRÌNH

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị Nhùng đối với thửa đất số 450, tờ BĐ số 22 tại thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch UBND xã Tân Tiến

Phòng Kinh tế xã Tân Tiến nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị Nhùng tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 22 tại thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kiểm tra rà soát hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, sổ giao ruộng đất năm 1993 và tiến hành thẩm tra hồ sơ tại thực địa, căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, phòng Kinh tế xã Tân Tiến báo cáo và trình Chủ tịch UBND xã Tân Tiến nội dung như sau:

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ - CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; Nghị định số 102/2024/NĐ - CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 150/2025/NĐ - CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ - CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT - BTNMT ngày 31/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT này 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, gồm:

a) Hồ sơ do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản nộp, gồm có:

+ Đơn đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất.

+ Các giấy tờ, văn bản chứng minh nguồn gốc sử dụng đất hợp pháp;

+ Các giấy tờ kê khai nghĩa vụ tài chính theo quy định.

+ Kết quả đo đạc địa chính, bản mô tả ranh giới thửa đất

b) Về hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

- Thửa đất số 450, tờ bản đồ số 22.

- Địa chỉ thửa đất: thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên.

- Vị trí theo Bảng giá đất của UBND tỉnh: KV1, VT2 – Đường trục thôn.

- Diện tích hiện trạng: 279,5 m2, loại đất: ONT = 200,0 m^2. CLN = 79,5 m^2

c) Về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Theo hồ sơ hiện đang lưu trữ tại UBND xã, hiện tại thửa đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp về đất đai, tài sản gắn liền với đất.

d) Về nguồn gốc sử dụng đất:

- Theo sổ giao đất năm 1993, bản đồ năm 1997: Đất ông cha.

3. Đề xuất, kiến nghị

Căn cứ Điều 137 Luật Đất đai năm 2024, hồ sơ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 450, tờ bản đồ số 22 của bà Nguyễn Thị Nhùng đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

Phòng Kinh tế xã Tân Tiến báo cáo và trình Chủ tịch UBND xã Tân Tiến xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

- Chủ sử dụng đất: Bà Nguyễn Thị Nhùng.

- Địa chỉ thường trú: thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên.

- Thửa đất số 450, tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất: thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên.

- Diện tích đề nghị cấp GCN: 279,5 m^2 trong đó: Đất ONT = 200,0 m^2. Đất CLN = 79,5 m^2

- Thời hạn sử dụng đất: Đất ONT: Lâu dài; Đất CLN: Đến 31/12/2063

- Hình thức sử dụng: Sử dụng chung.

- Nguồn gốc: Đất ông cha để lại.

- Thời điểm sử dụng đất: Trước 15/10/1993

4. Hồ sơ kèm theo Tờ trình:

- Đơn đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất.

- Biên bản thẩm tra thực địa;

- Báo cáo nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất.

- VB phân chia di sản thừa kế;

- Trích lục bản đồ địa chính; Kết quả đo đạc địa chính, bản mô tả ranh giới đất.

- Các hồ sơ theo điểm a) mục 2 của Tờ trình./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, PKT.

PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN TIẾN
Trưởng phòng

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X. TÂN TIẾN - T. HƯNG YÊN

Nguyễn Mạnh Toàn

UBND XÃ TÂN TIẾN **PHÒNG KINH TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/BC-PKT	*Tân Tiến, ngày 10 tháng 10 năm 2025*

BÁO CÁO

V/v Đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị Nhùng, đối với thửa đất số 450, tờ BĐ số 22 tại thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân xã Tân Tiến.

Ngày 08/10/2025, Phòng Kinh tế xã Tân Tiến nhận được hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị Nhùng, địa chỉ thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kiểm tra rà soát hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, sổ giao ruộng đất năm 1993 và thẩm tra hồ sơ tại thực địa, phòng Kinh tế xã báo cáo UBND xã Tân Tiến về hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và tài sản gắn liền với đất của Nguyễn Thị Nhùng, như sau:

1. Nguồn gốc, hiện trạng sử dụng:

1.1. Nguồn gốc đất:

- Diện tích sử dụng theo sổ giao đất ở trước ngày 15/10/1993 là 273 m^2 trong đó đất ở là 273 m^2, số thứ tự trong sổ giao là 185. Nguồn gốc đất ông cha để lại trước năm 1993.

Qua kiểm tra, Bản đồ 299 đo vẽ năm 1986 (xã Đồng Tiến cũ) hiện đã thất lạc không còn lưu giữ tại UBND xã.

1.2. Về hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

- Theo BĐ đo đạc năm 1997:

+ Thửa đất số 381, tờ BĐ số 02, diện tích 264 m^2, loại đất thổ cư.

- Theo BĐ Vlap đo đạc năm 2013 là: thửa đất số 450, tờ BĐ số 22, diện tích 279,5 m^2, loại đất ONT = 200,0 m^2, loại đất CLN = 79,5 m^2. Diện tích hiện trạng tăng so với sổ giao đất năm 1993 là 6,5 m^2. Kiểm tra tài liệu hồ sơ địa chính và hiện trạng sử dụng đất, qua xác minh từ cơ sở, xác định diện tích tăng 6,5 m^2 là do sai số do cách đo đạc địa chính và tính toán diện tích.

- Về tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Không;

- Về sự phù hợp với quy hoạch: Phù hợp quy hoạch;

- Hồ sơ đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất: Đảm bảo tính pháp lý về nguồn gốc đất đai, tài sản gắn liền với đất;

- Trong thời gian công khai hồ sơ đăng ký, cấp GCN quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, phòng Kinh tế và UBND xã Tân Tiến cùng gia đình bà Nguyễn Thị Nhùng không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại hay tranh chấp về ranh giới, mốc giới sử dụng đất và hồ sơ đăng ký đất đai, cấp GCN quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên.

II. Đề xuất, kiến nghị:

Căn cứ Điều 137 Luật đất đai năm 2024, Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính Phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Phòng Kinh tế xã đề nghị UBND xã Tân Tiến xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở sở hữu tài sản gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị Nhùng, địa chỉ thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên với nội dung như sau:

- Diện tích đề nghị cấp Giấy chứng nhận: 279,5 m^2
- Mục đích sử dụng: Đất ONT là 200,0 m^2; đất CLN = 79,5 m^2
- Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ông cha để lại
- Thời điểm sử dụng đất: Trước năm 1993
- Thời hạn sử dụng đất:

Đất ONT: Lâu dài.

Đất CLN: Đến 31/12/2063.

Hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị Nhùng, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Phòng Kinh tế xã báo cáo Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, PKT.

PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN TIẾN
Trưởng phòng

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X.TÂN TIẾN - T.HƯNG YÊN

Nguyễn Mạnh Toàn

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ TÂN TIẾN
BỘ PHẬN TN VÀ TKQ

SỐ: H31.171-251008-0003/KSGQHS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 08 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài

- Cơ quan (bộ phận) giải quyết hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Tiến
- Cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ:
- Tên người nộp: VŨ THỊ LOÃN
- Địa chỉ: Xóm 3, Thôn Bất Nạo, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên
- Ngày giờ tiếp nhận: 08/10/2025 08:19:18, ngày giờ hẹn trả: 05/11/2025 08:19:18

Tên cơ quan	Thời gian giao, nhận hồ sơ		KQ giải quyết	Ghi chú
1.Giao: **Công chức TN Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Lãnh đạo Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường**	17.....giờ00.....phút, ngày08.....tháng10.....năm2025			Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ *(Không tính thời gian)*
	Người giao *(Ký, họ tên)* Vũ Đình Chiu	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		
1.Giao: **Lãnh đạo Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày09.....tháng10.....năm.....			Phân công thẩm định *(2 giờ làm việc)*
	Người giao *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		
	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....			Thẩm định hs *(72 giờ làm việc)*
	Người giao *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		
	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....			Trình Lãnh đạo xã *(16 giờ làm việc)*
	Người giao *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		
1.Giao: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Văn thư cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....			Kiểm tra, phê duyệt *(8 giờ làm việc)*
	Người giao *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		
1.Giao: **Văn thư cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....			Niêm yết, công khai *(2 giờ làm việc)*
	Người giao *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		
1.Giao: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....			Thông báo kết quả *(20 giờ làm việc)*
	Người giao *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		
	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....			Kiểm tra, xem xét *(8 giờ làm việc)*
	Người giao *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		
1.Giao: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Văn thư cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....			Xem xét, ký duyệt *(4 giờ làm việc)*
	Người giao *(Ký, họ tên)*	**Người nhận** *(Ký, họ tên)*		

1.Giao: **Văn thư cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	 **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Chuyển thuế *(2 giờ làm việc)*
1.Giao: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	 **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Thông báo và thực hiện nghĩa vụ tài chính (Cơ quan thuế, kho bạc, người nộp hồ sơ thực hiện) *(Không tính thời gian)*
1.Giao: **Lãnh đạo UBND cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Văn thư cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	 **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Ban hành quyết định *(20 giờ làm việc)*
1.Giao: **Văn thư cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	 **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Đóng dấu và phát hành *(4 giờ làm việc)*
1.Giao: **Cán bộ Phòng Kinh tế / Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị cấp Xã, Phường** 2.Nhận: **Bộ phận TKQ Trung tâm Phục vụ Hành chính công Xã, Phường**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	 **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Bàn giao kết quả *(2 giờ làm việc)*
1.Giao: **Bộ phận TKQ Trung tâm Phục vụ Hành chính công Xã, Phường** 2.Nhận: **Tổ chức, cá nhân**	.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm..... **Người giao** *(Ký, họ tên)*	 **Người nhận** *(Ký, họ tên)*		Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân *(Không tính thời gian)*

TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ TÂN TIẾN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 08 tháng 10 năm 2025

H31.171-251008-0003

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Số hồ sơ: H31.171-251008-0003

(Liên: Lưu/Giao khách hàng)

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Vũ Đình Chìu
Đã tiếp nhận hồ sơ của ông (bà): VŨ THỊ LOÃN
Địa chỉ: Xóm 3, Thôn Bất Nạo, Xã Tân Tiến, Tỉnh Hưng Yên
Số điện thoại: Email:
Nội dung yêu cầu giải quyết: **Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài**

1. Thành phần hồ sơ:

- Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất (nếu có). (1 Bản chính)

- Một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137, khoản 1, khoản 5 Điều 148, khoản 1, khoản 5 Điều 149 Luật Đất đai, sơ đồ nhà ở, công trình xây dựng (nếu có). Trường hợp thửa đất gốc có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 Luật Đất đai mà có phần diện tích đất tăng thêm đã được cấp Giấy chứng nhận thì nộp giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận đã cấp cho phần diện tích tăng thêm. (1 Bản chính)

- Văn bản xác định các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình đang sử dụng đất đối với trường hợp hộ gia đình đang sử dụng đất (1 Bản chính)

- Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất (1 Bản chính)

2. Số lượng hồ sơ: 1

3. Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (Thời gian này không bao gồm thời gian niêm yết, công khai, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian xác định và thực hiện nghĩa vụ tài chính; Trong khoảng thời gian trên TTHC sẽ thông báo tạm dừng thời gian giải quyết và tiếp tục tính thời gian sau khi người sử dụng đất thực hiện xong nghĩa vụ tài chính, cơ quan có thẩm quyền xử lý xong vi phạm pháp luật và người vi phạm đã khắc phục xong hậu quả)

4. Thời gian nhận hồ sơ: 08/10/2025 08:19:18

5. Thời gian trả kết quả dự kiến: 05/11/2025 08:19:18

6. Đăng ký nhận kết quả tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Tiến
Vào sổ theo dõi, Quyển số:01, Số thứ tự: ...11.....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Thị Loãn

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Vũ Đình Chìu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN
Thẩm tra, xác minh và kiểm tra thực địa
hồ sơ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2025. Tại thôn Bắt Nạo xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên, Chúng tôi gồm:

I. Thành phần tổ kiểm tra:

1. Ông: **Nguyễn Mạnh Toàn** - Trưởng phòng Kinh tế xã Tân Tiến
2. Ông: **Phạm Ngọc Cừ** - Chuyên viên phòng Kinh tế xã Tân Tiến
3. Ông: **Nguyễn Thế Duy** - Chuyên viên phòng Kinh tế xã Tân Tiến
4. Ông (bà): Nguyễn Văn Sơn - Trưởng thôn Bắt Nạo

II. Người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:

1.Ông (bà): Nguyễn Thị Nhung CCCD số: 034152004522 Ngày cấp: .....

2.Ông (bà): ..... CCCD số: ..... Ngày cấp: .....

Địa chỉ thường trú: Tại Thôn Bắt Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA:

1. Về thửa

1.1 - Thửa đất số: 450 , Tờ bản đồ: 22

1.2 - Địa chỉ thửa đất xin cấp: Tại thôn Bắt Nạo xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

1.3 - Vị trí thửa đất theo bảng giá của UBND tỉnh: KVI – VT2 (Đường thục thôn)

1.4 - Diện tích đất theo hiện trạng: 279,5 m^2 (.....)

1.5 - Diện tích đất theo giấy tờ: 273,0 m^2 (.....)

1.6 - Diện tích tăng, giảm: Tăng 6,5 m^2 (.....)

Lý do tăng giảm: Do sai số đo đạc

1.7. Mục đích sử dụng: ONT = 200 m^2 ; CLN = 79,5 m^2

1.8 - Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ông cha

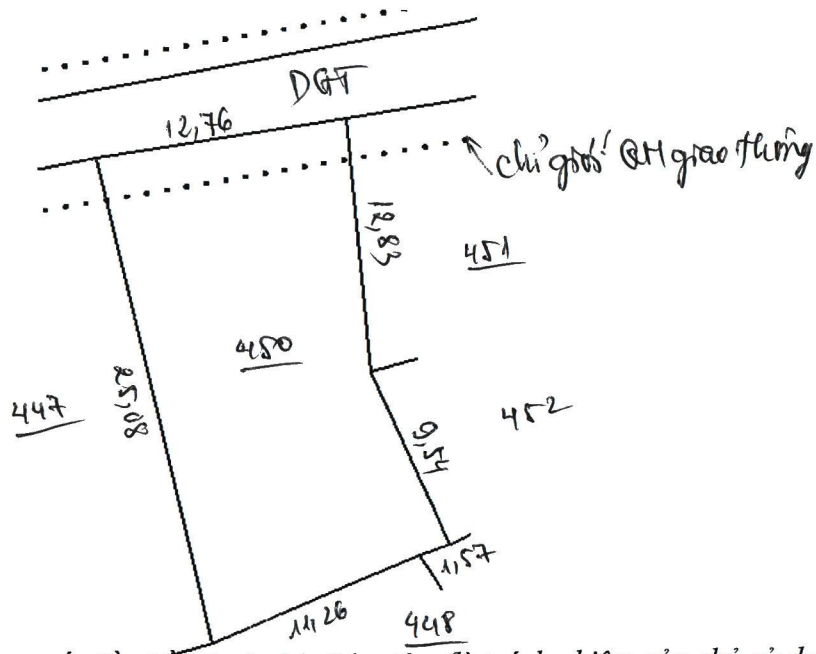
1.9 - Thời điểm sử dụng đất: 15/10/1993

1.10 Thời hạn sử dụng đất: + Đất ở : Lâu dài + Đất nông nghiệp: Đến 31/12/2069

2. Về nhà

- Cấp nhà: -/-
- Diện tích sàn: -/- - Diện tích xây dựng:
- Số tầng: -/-
- Nguồn gốc hình thành nhà: -/-
- Ngày, tháng, năm hoàn công:

Sơ đồ thửa đất:



Xác nhận của các chủ sử dụng đất liền kề ký và ghi rõ họ tên *(là trách nhiệm của chủ sử dụng đất dưới sự giám sát của trưởng thôn)*

- Đông: Ô Sáu Nguyễn Thị Niên - Nam: Ô Đại Phạm Văn Đại
- Tây: Bà Nhân Nguyễn Thị Nhân - Bắc: DGT Phạm Ngọc Cư

6. Về nghĩa vụ tài chính:

7. Về tình trạng tranh chấp đất đai: Không

8. Về quy hoạch sử dụng đất: Phù hợp

9. Các giấy tờ kèm theo:

IV. Ý KIẾN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Mức độ kê khai hồ sơ: Đầy đủ

2. Diện tích phải sử lý: 0m²

3. Hình thức sử lý : Không

4. Đủ điều kiện đăng ký ☒; Đủ điều kiện cấp GCN quyền sử dụng đất ☒:

4.1. Diện tích thửa đất: 279,5 m², trong đó:

- Diện tích đất ở: 200 m², trong hạn mức: 200 m², Ngoài hạn mức: ..... m²
- Diện tích đất nông nghiệp (CLN): 79,5 m²

4.2. Tài sản gắn liền với đất:

- Cấp nhà: .....
- Diện tích sàn ..... (m^2): Diện tích xây dựng ..... (m^2):
- Số tầng: .....
- Nguồn gốc hình thành nhà: .....
- Ngày, tháng, năm hoàn công: .....

5. Không đủ điều kiện đăng ký ☐; Không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ ☐:

Lý do: .....

.....

6. Nội dung khác: Chủ sử dụng đất, các hộ liền kề cam kết kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ giấy tờ hợp pháp, cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu phát hiện kê khai không đúng, sử dụng giấy tờ giả hoặc có hành vi gian dối trước cán bộ thẩm định, kiểm tra xác minh thực địa, thực hiện đầy đủ hướng dẫn đúng quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm trước cơ quan và pháp luật nếu để xảy ra sai sót, thiếu sót trong quá trình thẩm tra.

7. Thời gian công khai 15 ngày , từ ngày:. .....đến hết ngày.....

tại UBND xã Tân Tiến và nhà văn hoá thôn nơi có đất. Hết thời hạn công khai, nếu không nhận được ý kiến phản ánh liên quan hồ sơ, phòng kinh tế xã Tân Tiến thực hiện chuyển thuế theo quy định.

Biên bản được thông qua, mọi người đều nhất trí với số liệu kiểm tra và ý kiến kết luận, biên bản được lập thành 02 bản để lưu hồ sơ./.

CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THÔN**
(ký, ghi rõ họ tên)	*(ký, ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Thị Nhung	Nguyễn Văn Sơn

CHUYÊN VIÊN THẨM ĐỊNH		**PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN TIẾN**
Nguyễn Thế Duy	**Phạm Ngọc Cừ**	TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ Nguyễn Mạnh Toàn

0374341307

Mẫu số 15. Đơn đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Kính gửi: **UBND XÃ TÂN TIẾN, TỈNH HƯNG YÊN** (1)

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất:

(Trường hợp nhiều người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên người cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản đó theo Mẫu số 15a)

a) Họ và tên (2): **NGUYỄN THỊ NHÙNG**

b) Giấy tờ nhân thân/pháp nhân (3): CCCD số: 034152004522, cấp ngày: 31/08/2021, nơi cấp : Cục cảnh sát

c) Địa chỉ (4): Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên.

d) Điện thoại liên hệ (nếu có): 0374.341.307 Hộp thư điện tử (nếu có): .....

2. Thửa đất đăng ký *(người sử dụng đất là tổ chức thì không phải kê khai mục này)*:

(Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc đề nghị cấp chung một Giấy chứng nhận cho nhiều thửa đất nông nghiệp thì không kê khai các nội dung tại Mục này mà chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa đất theo Mẫu số 15b)

a) Thửa đất số: 450; 2.2. Tờ bản đồ số: 22

b) Địa chỉ (5): Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

c) Diện tích (6): 279,5 m^2; sử dụng chung: m^2; sử dụng riêng: 279,5 m^2.

d) Sử dụng vào mục đích(7): ONT: 200 m^2, CLN: 79,5 m^2, từ thời điểm: Trước năm 1993

d) Thời hạn đề nghị được sử dụng đất(8): Đất ở (ONT): Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm(CLN): 31/12/2063

e) Nguồn gốc sử dụng đất(9): Đất ông cha

g) Có quyền hoặc hạn chế quyền đối với thửa đất liền kề số ....., tờ bản đồ số ....., của ....., nội dung về quyền đối với thửa đất liền kề ..... (10).

3. Nhà ở, công trình xây dựng *(người sử dụng đất là tổ chức thì không phải kê khai mục này)*:

(Chỉ kê khai nếu có nhu cầu đăng ký hoặc chứng nhận quyền sở hữu tài sản; Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác trên cùng 01 thửa đất thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình theo Mẫu số 15c)

a) Loại nhà ở, công trình xây dựng (11): .....

b) Diện tích xây dựng(12): ..... m^2.

c) Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng (13): .....m^2.

d) Sở hữu chung(14): ..... m^2, sở hữu riêng(14): ..... m^2.

đ) Số tầng: ..... tầng; trong đó, số tầng nổi: ..... tầng, số tầng hầm: .....tầng.

e) Nguồn gốc (15): .....

g) Năm hoàn thành xây dựng(16): .....

h) Thời hạn sở hữu đến (17): .....

i) Cam kết về việc đủ điều kiện tồn tại nhà ở, công trình xây dựng(18): □

4. Đề nghị của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: *(Đánh dấu ☑ vào ô lựa chọn)*

a) Đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất □

b) Đề nghị cấp Giấy chứng nhận □

c) Đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất *(đối với cá nhân)* □

d) Đề nghị khác (nếu có): .....

5. Những giấy tờ nộp kèm theo[19]:

(1) - Sổ giao đất năm 1993;

(2) - CCCD phô tô.

(3)

Tôi/chúng tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tân Tiến, ngày 08 tháng 10 năm 2025
Người sử dụng đất/Người kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc đóng dấu (nếu có))

Nguyễn Thị Nhùng

Hướng dẫn kê khai đơn:

(1) Ghi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục. (Lưu ý: xem kỹ hướng dẫn viết Đơn trước khi kê khai; không tẩy xóa, sửa chữa trên Đơn).

(2) Cá nhân: Ghi họ và tên bằng chữ in hoa, năm sinh theo giấy tờ nhân thân. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: Ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch. Cộng đồng dân cư: Ghi tên của cộng đồng dân cư. Tổ chức: Ghi theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

(3) Cá nhân: Ghi số định danh cá nhân hoặc số, ngày cấp và nơi cấp hộ chiếu.

Tổ chức: Ghi số, ngày ký, cơ quan ký văn bản theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

(4) Cá nhân: Ghi địa chỉ nơi đăng ký thường trú. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài: Ghi địa chỉ đăng ký thường trú ở Việt Nam (nếu có). Cộng đồng dân cư: Ghi địa chỉ nơi sinh hoạt chung của cộng đồng.

Tổ chức: Ghi địa chỉ trụ sở chính theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư.

(5) Ghi số nhà, tên đường, phố (nếu có); tên điểm dân cư (tổ dân phố, thôn, xóm, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, điểm dân cư tương tự) hoặc tên khu vực, xứ đồng (đối với thửa đất ngoài khu dân cư); tên đơn vị hành chính các cấp xã, tỉnh nơi có thửa đất.

(6) Ghi diện tích của thửa đất bằng số Ả Rập, được làm tròn số đến một chữ số thập phân;.

(7) Ghi mục đích đang sử dụng chính của thửa đất. Từ thời điểm ghi ngày ... tháng ... năm ...

(8) Ghi "đến ngày …/…/…" hoặc "Lâu dài" hoặc ghi bằng dấu "-/-" nếu không xác định được thời hạn.

(9) Ghi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm hoặc nhận chuyển quyền (chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn) hoặc nguồn gốc khác như do ông cha để lại, lấn, chiếm, giao đất không đúng thẩm quyền, khai hoang...

(10) Ghi theo văn bản xác lập quyền được sử dụng.

(11) Ghi Nhà ở riêng lẻ/căn hộ chung cư/văn phòng/nhà xưởng ...

(12) Đối với nhà ở riêng lẻ, công trình xây dựng độc lập ghi diện tích mặt bằng chiếm đất của nhà ở, công trình tại vị trí tiếp xúc với mặt đất theo mép ngoài tường bao của nhà ở, công trình được làm tròn số đến một chữ số thập phân.

Đối với căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình thuộc tòa nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp thì ghi diện tích sàn/diện tích sử dụng căn hộ chung cư, văn phòng, hạng mục công trình đó.

(13) Đối với nhà ở, công trình một tầng thì không ghi nội dung này. Đối với nhà ở, công trình nhiều tầng thì ghi tổng diện tích mặt bằng sàn xây dựng của các tầng.

Mẫu số: **01/LPTB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày … tháng … năm …

[02] Lần đầu: ☒ **[03]** Bổ sung lần thứ:…

☐ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Người nộp thuế: NGUYỄN THỊ NHÙNG

[05] Mã số thuế: 8 2 1 3 0 3 1 6 2 4

[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): 034152004522

[07] Địa chỉ: Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên.

[08] Xã/phường/đặc khu: Tân Tiến [09] Tỉnh/Thành phố: Hưng Yên

[10] Điện thoại: [11] Fax: ..... [12] Email: .....

[13] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có): .....

[14] Mã số thuế:

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày .....

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất: .....

1.1. Thửa đất số (Số hiệu thửa đất): 450; Tờ bản đồ số: 22

1.2. Địa chỉ thửa đất: Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

Đường/Phố: Đường trục thôn, Thôn/xóm/ấp: Bất Nạo

1.3. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm): Mặt tiền Đường trục thôn

1.4. Mục đích sử dụng đất: ONT: 200 m^2, CLN: 79,5 m^2

1.5. Diện tích (m^2): 279,5m^2

1.6. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho): Đất ông cha

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

- Tên tổ chức/cá nhân chuyển giao QSDĐ:
- Mã số thuế:.....
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):
- Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày tháng năm

1.7. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:

Cấp nhà: ..... Loại nhà: .....Hạng nhà:.....

Trường hợp là nhà ở chung cư:

Chủ dự án:..... Địa chỉ dự án, công trình.....

Kết cấu:..... Số tầng nổi:.....Số tầng hầm:.....

Diện tích sở hữu chung (m^2):..... Diện tích sở hữu riêng (m^2):.....

2.2. Diện tích nhà (m^2):

Diện tích xây dựng (m^2): .....

Diện tích sàn xây dựng (m^2): .....

2.3. Nguồn gốc nhà: .....

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): .....

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ..... tháng ..... năm .....

2.4. Giá trị nhà (đồng):.....

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng ☐, nhận thừa kế ☐, nhận tặng cho ☐ (đồng):

.....

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

.....

5. Thông tin đồng chủ sở hữu nhà, đất (nếu có):

STT	Tên tổ chức/cá nhân đồng sở hữu	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Nhùng		034152004522	100%

6. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- Sổ giao đất năm 1993;
- CCCD phô tô.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Tân Tiến, ngày 08 tháng 10 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nhung

Nguyễn Thị Nhùng

Mẫu số: **03/BĐS-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh: Ngày … tháng … năm ...

[02] Lần đầu: ☒ **[03]** Bổ sung lần thứ:…

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[04] Tên người nộp thuế: NGUYỄN THỊ NHÙNG

[05] Mã số thuế (nếu có): 8 2 1 3 0 3 1 6 2 4

[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam): 034152004522

[06.1] Ngày cấp: 31/08/2021 **[06.2]** Nơi cấp: Cục cảnh sát

[07] Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam): ……..

[07.1] Ngày cấp:…… **[07.2]** Nơi cấp:……....

[08] Địa chỉ chỗ ở hiện tại: Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

[09] Xã/phường/đặc khu: Tân Tiến **[10]** Tỉnh/Thành phố: Hưng Yên

[11] Điện thoại: **[12]** Email: .....

[13] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):.....

[14] Mã số thuế (nếu có):

[15] Địa chỉ: ……...

[16] Xã/phường/đặc khu: ..... **[17]** Tỉnh/Thành phố: .....

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[21] Mã số thuế (nếu có):

[22] Địa chỉ: ……..……

[23] Xã/phường/đặc khu: ..... **[24]** Tỉnh/Thành phố: .....

[25] Điện thoại: ..... **[26]** Email: .....

[27] Hợp đồng đại lý thuế: **[28]** Số: ..... **[29]** Ngày:.....

[30] Giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất:

……..

[30.1] Số: **[30.2]** Do cơ quan: **[30.3]** Cấp ngày:

[31] Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp 1, cấp 2 hoặc Sàn giao dịch của chủ dự án:……..……

[31.1] Số……..**[31.2]** Ngày:……

[32]Hợp đồng chuyển nhượng trao đổi bất động sản:

[32.1] Số:..... **[32.2]** Nơi lập..... **[32.3]** Ngày lập:.....

[32.4] Cơ quan chứng thực ..... **[32.5]** Ngày chứng thực: .....

II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[33] Họ và tên đại diện: **NGUYỄN THỊ NHÙNG**

[34] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[35] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): 034152004522

[35.1] Ngày cấp: 31/08/2021 **[35.2]** Nơi cấp: Cục cảnh sát

[36] Văn bản Phân chia di sản thừa kế, quà tặng là Bất động sản

[36.1] Nơi lập hồ sơ nhận thừa kế, quà tặng:

[36.2] Ngày lập:

[36.3] Cơ quan chứng thực:

[36.4] Ngày chứng thực:

III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[37] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ☐

[38] Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở ☐

[39] Quyền thuê đất, thuê mặt nước ☐

[40] Bất động sản khác ☐

IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[41] Thông tin về đất:

[41.1] Thửa đất số (Số hiệu thửa đất): 450, Tờ bản đồ số (số hiệu): 22

[41.2] Địa chỉ: Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

[41.3] Số nhà Toà nhà, Ngõ/hẻm.đường/phố: Đường trục thôn Thôn/xóm/ấp: Bất Nạo

[41.4] Xã/phường/đặc khu Tân Tiến

[41.5] Tỉnh/thành phố: Hưng Yên

[41.6] Loại đất, vị trí thửa đất (1,2,3,4...)

+ Loại đất 1: Đất ở nông thôn Vị trí 1: Mặt tiền Đường trục thôn, Diện tích: 200 m^2

+ Loại đất 1: Đất trồng cây lâu năm Vị trí 2: Diện tích: 79,5 m^2

+ Loại đất 2:..... Vị trí 1:..... Diện tích:.....m2

+ Loại đất 2:..... Vị trí 2:..... Diện tích:.....m2

[41.7] Hệ số (nếu có):.....

[41.8] Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho...): Đất ông cha

[41.9] Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có): .....đồng

[42] Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng

[42.1] Nhà ở riêng lẻ:

[42.2] Loại 1:..... Cấp nhà ở.....Diện tích sàn xây dựng:.....m2

[42.3] Loại 2:..... Cấp nhà ở.....Diện tích sàn xây dựng:.....m2

[42.4] Giá trị nhà thực tế chuyển giao (nếu có):.....đồng

[42.5] Nhà ở chung cư:

[42.6] Chủ dự án:..... [42.7] Địa chỉ dự án, công trình:.....

[42.8] Diện tích xây dựng:..... [42.9] Diện tích sàn xây dựng:.....m2

[42.10] Diện tích sở hữu chung:.....m2 [42.11] Diện tích sở hữu riêng:.....m2

[42.12] Kết cấu:..... [42.13] Số tầng nổi:..... [42.14] Số tầng hầm:.....

[42.15] Năm hoàn công:.....

[42.16] Giá trị nhà thực tế chuyển giao (nếu có):.....đồng

[42.17] Nguồn gốc nhà

Tự xây dựng ☐ [42.18] Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):.....

Chuyển nhượng ☐ [42.19] Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:.....

[42.20] Công trình xây dựng (trừ nhà ở)

[42.21] Chủ dự án:.....[42.22] Địa chỉ dự án, công trình.....

[42.23] Loại công trình:..... Hạng mục công trình.....Cấp công trình.....

[42.24] Diện tích xây dựng: ..... [42.25] Diện tích sàn xây dựng:.....m2;

[42.26] Hệ số (nếu có):.....

[42.27] Đơn giá:.....

[42.28] Giá trị công trình thực tế chuyển giao (nếu có):.....đồng

[43] Tài sản gắn liền với đất

[43.1] Loại tài sản gắn liền với đất:.....

[43.2] Giá trị tài sản gắn liền với đất thực tế chuyển giao (nếu có):.....đồng

V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

[44] Loại thu nhập

[44.1] Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản ☐

[44.2] Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng ☐

[45] Giá trị chuyển nhượng bất động sản và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giá trị bất động sản nhận thừa kế, quà tặng:..... đồng

[46] Thuế thu nhập cá nhân phát sinh đối với chuyển nhượng bất động sản ([46]=[45]x2%):.....đồng

[47] Thu nhập miễn thuế:..... đồng

[48] Thuế thu nhập cá nhân được miễn ([48] = [47] x 2%) ..... đồng

[49] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản:{[49]=([46]-[48])}: .....đồng

[50] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

{[50]=([45]-[47]-10.000.000) x 10%}:.....đồng

[51] Số thuế phải nộp, được miễn của chủ sở hữu (chỉ khai trong trường hợp có đồng sở hữu hoặc chủ sở hữu, đồng sở hữu được miễn thuế theo quy định):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số thuế phải nộp	Số thuế được miễn	Lý do cá nhân được miễn với nhà ở, quyền sử dụng đất ở duy nhất	Lý do miễn khác
[51.1]	[51.2]	[51.3]	[51.4]	[51.5]	[51.6]	[51.7]	[51.8]
1						☐	
2						☐	
....						☐	

VII. HỒ SƠ KÈM THEO GỒM:

- Sổ giao đất năm 1993;
- CCCD phô tô.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

Tân Tiến, ngày 08 tháng 10 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*)

Nguyễn Thị Nhùng

Mẫu số: **01/TK-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trừ chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)

[01] Kỳ tính thuế: Năm .....

[02] Lần đầu: ☑ **[03]** Bổ sung lần thứ:...

I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế:

[04] Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHÙNG

[05] Ngày/tháng/năm sinh: 01/01/1952

[06] Mã số thuế: 8 2 1 3 0 3 1 6 2 4

[07] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST): 034152004522

[08] Ngày cấp: 31/08/2021 **[09]** Nơi cấp: Cục cảnh sát

[10] Địa chỉ cư trú: Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

[10.1] Số nhà: ..... **[10.2]** Đường/phố: Mặt tiền đường trục thôn

[10.3] Tổ/thôn: Bất Nạo **[10.4]** Xã/phường/đặc khu: Tân Tiến

[10.5] Tỉnh/Thành phố: Hưng Yên

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế: Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

[12] Điện thoại:

2. Đại lý thuế (nếu có):

[13] Tên đại lý thuế:.....

[14] Mã số thuế:

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ..... Ngày: .....

3. Thửa đất chịu thuế:

[16] Thông tin người sử dụng đất:

STT	Họ và tên	MST	CMND/CCCD/HC (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Nhùng		034152004522	100%

[17] Địa chỉ thửa đất: Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

[17.1] Số nhà: ..... **[17.2]** Đường/ phố: Mặt tiền Đường trục thôn

[17.3] Tổ/thôn: Bất Nạo **[17.4]** Xã/phường/đặc khu: Tân Tiến

[17.5] Tỉnh/Thành phố: Hưng Yên

[18] Là thửa đất duy nhất: ☐

[19] Đăng ký kê khai tổng hợp tại: .....

[20] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[20.1] Số giấy chứng nhận: ..... **[20.2]** Ngày cấp: .....

[20.3] Thửa đất số: ..... **[20.4]** Tờ bản đồ số: .....

[20.5] Diện tích: .....**[20.6]** Loại đất/ Mục đích sử dụng: .....

[21] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[21.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: .....

[21.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định: .....

[21.3] Hạn mức (nếu có): .....

[21.4] Diện tích đất lấn, chiếm: .....

[22] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[22.1] Diện tích: 279,5 m^2 **[22.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: ONT+CLN

[23] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: Trước năm 1993

[24] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: .....

4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [25] *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[25.1] Loại nhà: ..... **[25.2]** Diện tích: ..... **[25.3]** Hệ số phân bổ: .....

5. Trường hợp miễn, giảm thuế [26] *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...):* .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Tân Tiến, ngày 08 tháng 10 năm 2025

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Thị Nhùng

II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG *(Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)*

1. Người nộp thuế

[27] Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHÙNG

[28] Ngày/ tháng/ năm sinh: 01/01/1952

[29] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[30] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: 034152004522

[31] Ngày cấp: 31/08/2021 **[32]** Nơi cấp: Cục cảnh sát

2. Thửa đất chịu thuế

[33] Địa chỉ: Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên

[33.1] Số nhà: ..... **[33.2]** Đường/phố: Mặt tiền Đường trục thôn

[33.3] Tổ/thôn: Bất Nạo **[33.4]** Xã/phường/đặc khu: Tân Tiến

[33.5] Tỉnh/Thành phố: Hưng Yên

[34] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[34.1] Số giấy chứng nhận: ..... **[34.2]** Ngày cấp: .....

[34.3] Thửa đất số: ..... **[34.4]** Tờ bản đồ số: .....

[34.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: .....

[34.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: .....

[34.7] Loại đất/ Mục đích sử dụng: .....

[34.8] Hạn mức *(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):* .....

[35] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[35.1] Diện tích: 279,5 m^2 **[35.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: ONT+CLN

[36] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: Trước năm 1993

[37] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:.....

3. Trường hợp miễn, giảm thuế **[38]** *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)*: .....

4. Căn cứ tính thuế

[39] Diện tích đất thực tế sử dụng: ..... **[40]** Hạn mức tính thuế: .....

[41] Thông tin xác định giá đất:

[41.1] Loại đất/ mục đích sử dụng: ..... **[41.2]** Tên đường/vùng: .....

[41.3] Đoạn đường/khu vực: ..... **[41.4]** Loại đường: .....

[41.5] Vị trí/hạng: ..... **[41.6]** Giá đất: ..... **[41.7]** Hệ số (đường/hẻm...): .....

[41.8] Giá 1 m^2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*: .....

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở *(Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[42] Diện tích trong hạn mức *(thuế suất: 0,03%)*	**[43]** Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức *(thuế suất: 0,07%)*	**[44]** Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức *(thuế suất 0,15%)*
...	...	...

5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[45] Diện tích: ..... **[46]** Hệ số phân bổ: .....

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[47] Diện tích: .....**[48]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư)*: .....

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[49] Diện tích: ..... **[50]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[51] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư)*: .....

5.5. Đất lấn chiếm:

[52] Diện tích: ..... **[53]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[54] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư)*: .....

Tân Tiến, ngày 08 tháng 10 năm 2025	*Tân Tiến, ngày 08 tháng 10 năm 2025*
Chuyên viên phòng kinh tế	**CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
Nguyễn Thế Dũng	U.B.N.D XÃ TÂN TIẾN T.HƯNG YÊN PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ Nguyễn Trung Dũng

TỈNH HƯNG YÊN
UBND XÃ TÂN TIẾN

Số: 48/2025/UBND-XNTTHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Tiến, ngày 03 tháng 10 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
UBND xã Tân Tiến

Xét đề nghị của ông/bà: HOÀNG MẠNH TUYẾN công chức Tư pháp hộ tịch, về việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho NGUYỄN THỊ NHÙNG

XÁC NHẬN

Họ, chữ đệm, tên: NGUYỄN THỊ NHÙNG
Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/1952
Giới tính: Nữ Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Giấy tờ tùy thân: Thẻ căn cước công dân số 034152004522, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 31/08/2021
Nơi cư trú: Thôn Bất Nạo, xã Tân Tiến, tỉnh Hưng Yên
Tình trạng hôn nhân: Hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai
Giấy được sử dụng để: Bổ sung hồ sơ lĩnh vực đất đai
Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị đến thời điểm thay đổi tình trạng hôn nhân hoặc 06 tháng kể từ ngày cấp, tuỳ theo thời điểm nào đến trước.

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khánh

Họ và Tên	Tờ Thửa		
Nguyễn Thị Nhung	273		
Phạm văn Tình	180	x 160	
Ng văn Mừng	200	x	
Phạm văn Đấu	188	x x	
Đức.	216	x	
190 Vũ văn Điều	240	x	
Phạm văn Lí	359	x	
Vũ văn Bảnh.	293	x	
Đỗ văn Hoa	350	x	
Hà văn Nghiệp	244	x	
195 Ng văn Vượng	359	x	
Vũ văn Chung	445	462	
Ng văn Vinh;	235	x	
Đoài	355	x	
" Nhuận	260	x	
200 Đặng văn Loài	288	x	
Vũ văn Châu.	292	x	
Bùi văn Hiếu	300	x	
Vũ văn Đức	369	x	
Định	355	x	
205 Hà văn Toàn	244	x	
Nguyễn Thanh Tuấn	467		

Sao từ sổ giao đất ngày 15/10/1993

Chuyển viên phòng Tư pháp

Nguyễn Thế Duy

Chuyển cho a Đông xóm 6. (con ô Thiều)

Tân Tiến, ngày 30 tháng 9 năm 2023

TM. UBND xã

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ

Nguyễn Trung Dũng

5417

5722

Tờ bản đồ số.....2.....

THỬA SỐ	XỨ ĐỒNG THÔN XÓM	TÊN CHỦ HỘ SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (m^2)	CHIA RA				
				T	VT	Ao		
361	Xóm 4	Nguyễn Văn Chuẩn	335	335				
2	4 4	" " Trường	338	338				
3	4 4	" " Mậu	348	348				
4	4 3	Phạm " Vinh	345	345				
5	4 5 ĐT	Nguyễn " Chính	400	400				
6	4 3	" " Dũng	275		275			
7	4 3	" " Dũng	98			98		
8	4 3	" " Dũng	105			105		
9	4	" " Dũng	378	378				
370	4 4	" " Mênh	394	394				
1	4 5	" Đỗ Văn Khuê	342	342				
2	4 5	" Trần Văn Du	355	355				
3	42	" " Hải	341	341				
4	45	Trần " Oa	363	363				
5	4 3+5	Phạm Đình + Trần Oa	885			885		
6	4 4	Mậu + Thanh + Tiến	792			792		
7	4 4	Phạm Văn Thanh	346	346				
8	4 3	" " Tới	293	293				
9	4 3	" " Tuệ	460	400	60			
380	4	Nguyễn " Ái	191	191				
1	4	" Thị Nhung	264	264				
2	4 ĐT	" Văn Sách	124	124				
3	4 ĐT	" " Sách	150			150		
4	4	Phạm " Hải	194			194		
5	4	Nguyễn Văn Giáp	621			621		
6	4 UB	Nguyễn Văn Tiếp	221		221			
7	4	Hà Văn Nghiệp	507	400	107			
8	4	" " Toàn	435	400	35			
9	4	Phạm " Hải	293	293				
390	4	Hà " Toàn	135			135		
Cộng			10339	6650	709	2980		
1. Hộ gia đình, cá nhân			9718	6650	709	2359		
2. Các tổ chức kinh tế								
3. UBND xã quản lý, sử dụng			621			621		
4. Các đối tượng khác								
5. Nước ngoài, liên doanh với nước ngoài								

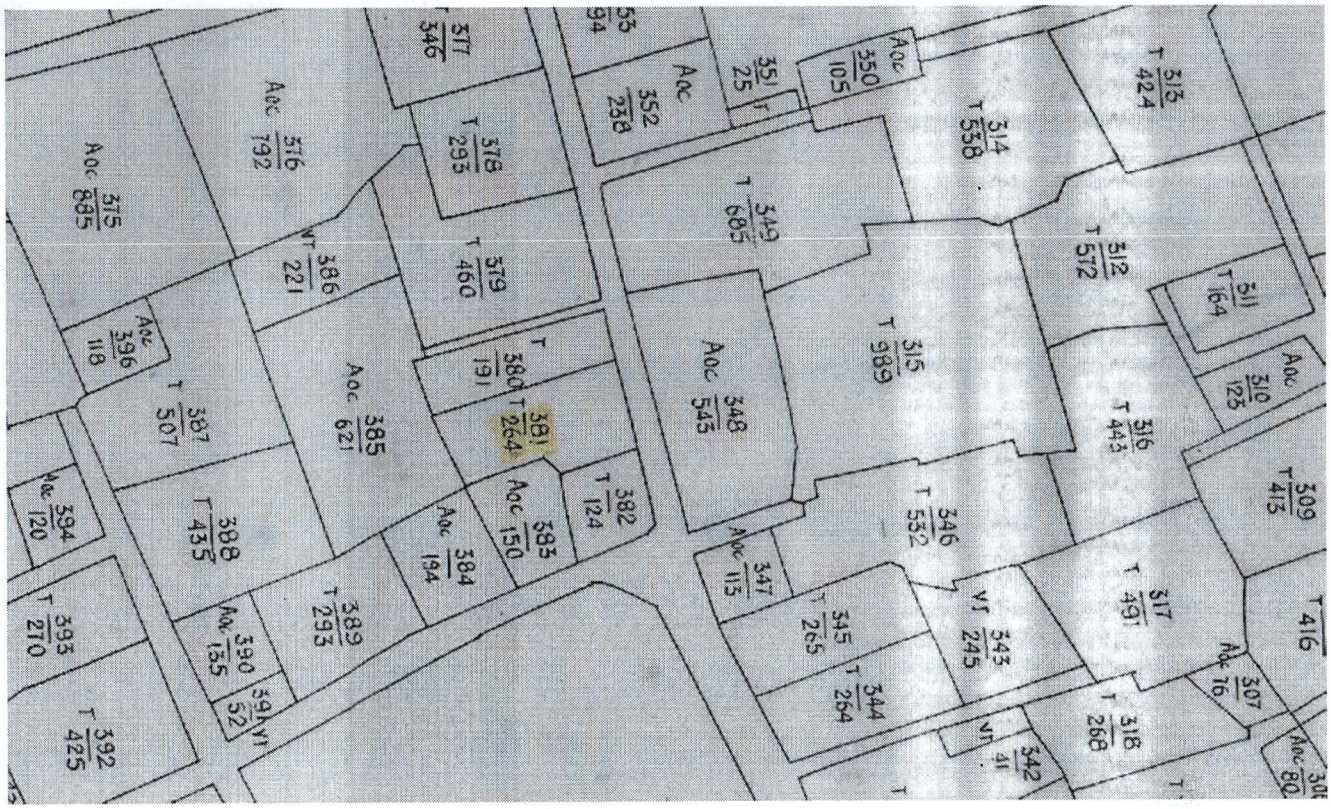
Sao từ sổ đo đạc lập năm 1997 của Nguyễn Thị Nhung, xã Tân Tiến, huyện Phong Hưng để Nguyễn Thế Duy

Tân, ngày 30 tháng 9 năm 2025

TM UBND XÃ

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ

Nguyễn Trung Dũng



Bản đồ đo đạc năm 1997 thửa đất số 381 tờ bản đồ số 2

Địa chỉ thửa đất : thôn Bất Nạo , xã Tân Tiến

CÔNG CHỨC PHÒNG KINH TẾ

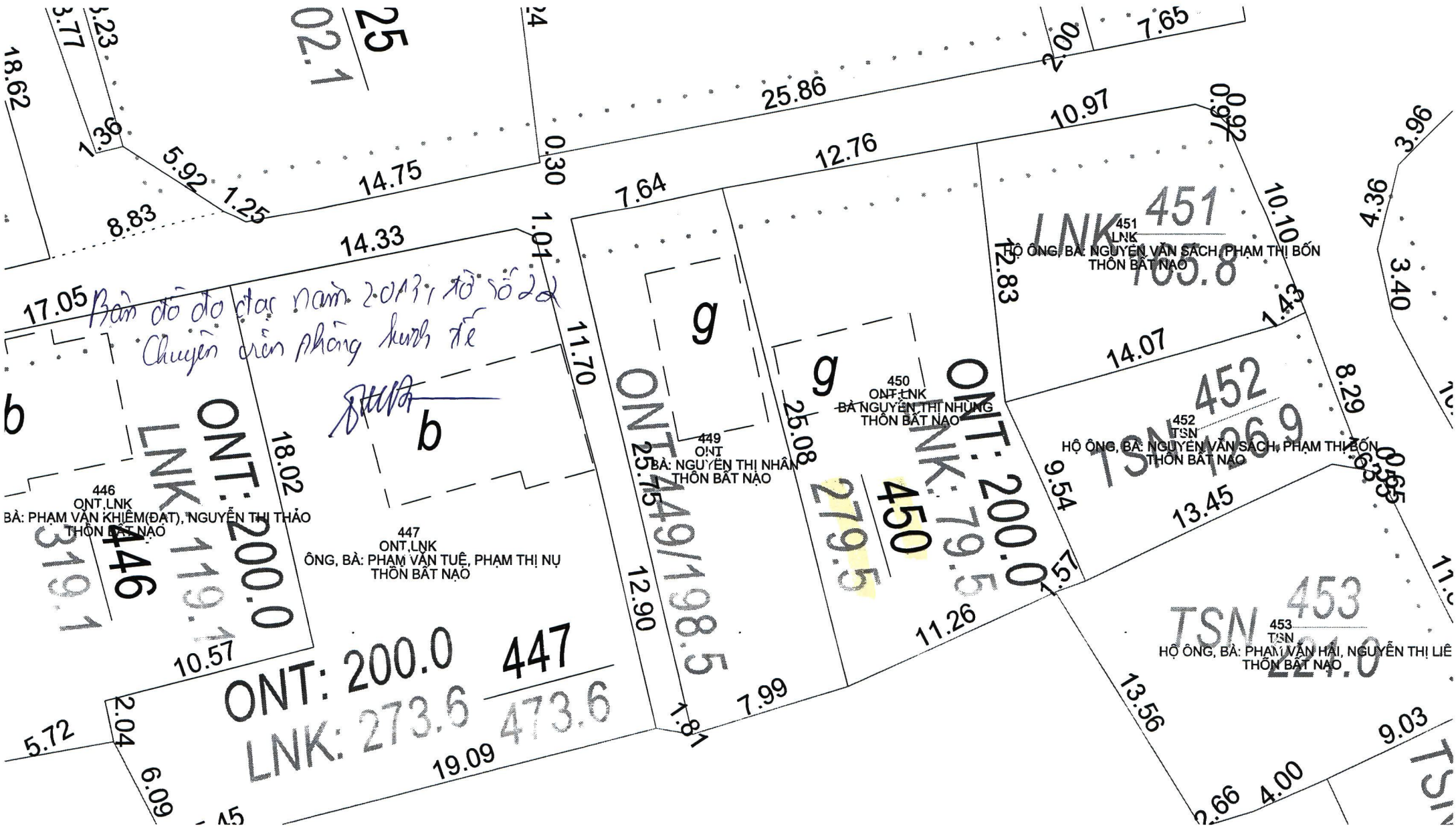
Nguyễn Thế Duy

TM. ỦY BN NHÂN DÂN XÃ

U.B.N.D XÃ TÂN TIẾN T.HƯNG YÊN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ

Nguyễn Trung Dũng


Bản đồ đo đạc năm 2013, tờ số 22
Chuyển đổi phông lưu trữ
25
02.1
LNK 451
451
LNK
HỘ ÔNG, BÀ: NGUYỄN VĂN SÁCH, PHẠM THỊ BỐN
THÔN BẤT NẠO
165.8
452
TSN 196.9
452
TSN
HỘ ÔNG, BÀ: NGUYỄN VĂN SÁCH, PHẠM THỊ BỐN
THÔN BẤT NẠO
453
TSN 224.0
453
TSN
HỘ ÔNG, BÀ: PHẠM VĂN HẢI, NGUYỄN THỊ LIÊ
THÔN BẤT NẠO
450
ONT,LNK
BÀ NGUYỄN THỊ NHUNG
THÔN BẤT NẠO
279.5
ONT: 79.5
LNK: 450
449
ONT
BÀ: NGUYỄN THỊ NHÂN
THÔN BẤT NẠO
ONT: 200.0
LNK: 449/198.5
446
ONT,LNK
BÀ: PHẠM VĂN KHIÊM(ĐẠT), NGUYỄN THỊ THẢO
THÔN BẤT NẠO
319.1
ONT: 200.0
LNK: 446/119.1
447
ONT,LNK
ÔNG, BÀ: PHẠM VĂN TUỆ, PHẠM THỊ NỤ
THÔN BẤT NẠO
ONT: 200.0
LNK: 273.6
473.6
447
g
b
25.86
14.75
14.33
12.76
10.97
8.83
7.64
5.92
1.25
1.36
18.62
17.05
11.70
18.02
25.75
12.90
25.08
14.07
13.45
11.26
10.57
19.09
7.99
1.81
5.72
2.04
6.09
12.83
9.54
13.56
9.03
4.00
2.66
7.65
3.96
4.36
3.40

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card



Số / *No.:* **034152004522**

Họ và tên / *Full name:*

NGUYỄN THỊ NHÙNG

Ngày sinh / *Date of birth:* 01/01/1952

Giới tính / *Sex:* Nữ **Quốc tịch** / *Nationality:* Việt Nam

Quê quán / *Place of origin:*

Đồng Tiến, Quỳnh Phụ, Thái Bình

Nơi thường trú / *Place of residence:* Bất Nạo

Đồng Tiến, Quỳnh Phụ, Thái Bình

Có giá trị đến:

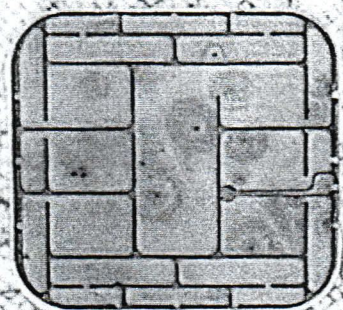
Date of expiry: Không thời hạn

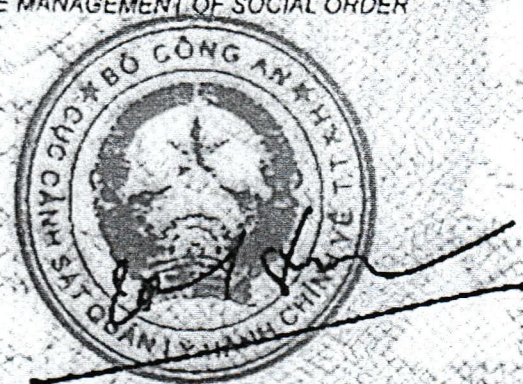
Được quét bằng CamScanner

Đặc điểm nhận dạng / *Personal identification:*
Nốt ruồi C 1,5 cm dưới sau đầu mắt phải

Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 31/08/2021

CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT
FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER









Ngón trỏ trái
Left index finger

Ngón trỏ phải
Right index finger

Tô Văn Huệ

IDVNM152004522103415200452 2<<4
5201019F9912315VNM<<<<<<<<<<<8
NGUYEN<<THI<NHUNG<<<<<<<<<<<<

Được quét bằng CamScanner